

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HS-ST

Ngày 25-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Huyền Trang và ông Phú Anh Lâm;

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Quang Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: ông Lê Muộn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự Thụ lý số 35/2022/HSST ngày 22 tháng 6 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Đặng Phúc O - Sinh ngày: 12-3-1993, tại Ninh Thuận; Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Chí H – Sinh năm: 1959 và Đỗ Thị T – Sinh năm: 1962; Chồng: ông Nguyễn Văn D - Sinh năm 1986; có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn D - Sinh ngày: 23-2-1986, tại Ninh Thuận; Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T (chết) và Nguyễn Thị H – Sinh năm: 1967; Vợ: ông Đặng Phúc O - Sinh năm 1993; có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: bà Nguyễn Thị P – Sinh năm: 1966; địa chỉ: khu phố x, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận – Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/4/2022, bà Nguyễn Thị P đến chơi nhà Đặng Phúc O ở thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, khi đi bà P có mang theo số tiền 73.700.000 đồng. Do ở lại nhà O chơi mai mới về nên tối cùng ngày bà Phúc sử dụng phòng tắm của nhà O để tắm, trước khi tắm, bà Phúc lấy bọc tiền ra và bỏ vào trong chiếc váy ngủ của O để trong phòng tắm, sau khi tắm xong thì vào ngủ nhưng bỏ quên số tiền trên trong phòng tắm. Khoảng 23 giờ cùng ngày, O vào sử dụng nhà tắm và dọn dẹp thì phát hiện bọc tiền do bà P để quên trong váy của mình, O mang bọc tiền đưa cho chồng là Nguyễn Văn D. Khi thấy O đưa tiền, D nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên nên dặn O không được nói cho ai biết, kể cả Công an thì O đồng ý, D ngay sau đó mang số tiền ra hàng rào cất giấu. Khoảng 11 giờ 30 phút, bà P nhớ ra mình để quên số tiền ở phòng tắm nên đi tìm nhưng không thấy tiền đâu. Bà P có yêu cầu vợ chồng O, D trả lại tiền nhưng vợ chồng O, D nói không nhặt được tiền của bà P, đến khoảng 05 giờ sáng hôm sau thì D

mang toàn bộ số tiền ra rã, đào một cái lỗ và cất giấu. Bà Phúc sau đó trình báo sự việc với cơ quan Công an.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Đặng Phúc O, Nguyễn Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 37/CT-VKS-HS, ngày 20-6-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận truy tố Đặng Phúc O, Nguyễn Văn D về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 176 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đặng Phúc O, Nguyễn Văn D phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 176; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù đồng thời áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố, không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa; nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại bà Nguyễn Thị P vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra, truy tố đã có lời khai và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Đối với số tiền bị chiếm đoạt, bà P đã nhận lại đủ và không có yêu cầu gì.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều

tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Bị hại bà Nguyễn Thị P đã có lời khai trong quá trình điều tra, toàn bộ tài sản bị chiếm giữ đã nhận lại và không có yêu cầu về dân sự. Việc bà P vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử các bị cáo, do đó Tòa án tiếp tục xét xử vụ án.

[3]. Xác định tội danh, khung hình phạt đối với bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ khác được thu thập khách quan có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở để xác định: khoảng 23 giờ ngày 11-4-2022, O nhặt được 73.700.000 đồng của bà Nguyễn Thị P bỏ quên trong phòng tắm nhà mình. O giao số tiền nhặt được cho chồng là Nguyễn Văn D đem đi cất giấu. Bà P sau khi biết mình bỏ quên tiền nên quay lại phòng tắm tìm nhưng không thấy, bà P có yêu cầu vợ chồng O, D phải trả lại số tiền trên nhưng O và D không trả lại.

Hành vi nêu trên của Đặng Phúc O và Nguyễn Văn D đã phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 176 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng truy tố là có căn cứ.

[4]. Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã xâm phạm tới tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ đồng thời hành vi của các bị cáo thể hiện sự tham lam, ích kỷ, coi trọng vật chất hơn đạo đức xã hội.

[5]. Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

[5.1]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

[5.2]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; toàn bộ tài sản chiếm giữ đã trả lại cho bị hại nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6]. Quyết định hình phạt đối với bị cáo:

Về hình phạt chính: Xét việc chiếm giữ tài sản với số tiền lớn (73.700.000 đồng) nên cần thiết áp dụng hình phạt tù là hình phạt chính đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục các bị cáo ý thức chấp hành pháp luật, các quy tắc của cuộc sống đồng thời có tác dụng đấu tranh và phòng chống tội phạm. Xét các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, toàn bộ tài sản chiếm giữ trái phép đã trả lại cho chủ sở hữu nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cho các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo phạm tội do có hoàn cảnh khó khăn, cả hai đều là lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, có thu nhập không ổn định, đang nuôi dưỡng con nhỏ nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[7]. Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm giữ trái phép và không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[8]. Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: các bị cáo Đặng Phúc O, Nguyễn Văn D phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”.

1. Áp dụng: khoản 1 Điều 176; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Phúc O 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25-7-2022);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn D 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25-7-2022).

Giao các bị cáo Đặng Phúc O, Nguyễn Văn D cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đặng Phúc O, Nguyễn Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 25- 7- 2022). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tùng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Mang Nên phạm tội “Hiếp dâm”.

Áp dụng: Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, điểm d khoản 2 Điều 141 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Mang Nên 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 20-5-2021.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Mang Nền được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo, bị hại quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16-9-2021).

Vào khoảng 02h sáng ngày 13-4-2022, bị cáo Võ Mười đến nhà anh Trương Anh Tài tìm anh Tài để nói chuyện, khi đến nhà anh Tài bị cáo thấy điện sáng và cửa phía sau nhà mở, nên đi thẳng vào nhà, khi đi ngang qua phòng ngủ của cháu Trương Nguyễn Anh Thy, bị cáo thấy cháu Thy đang nằm ngủ trên nệm phía bên ngoài, còn bên trong là Trương Thị Ánh Tuyết, do không thấy ai ở nhà nên bị cáo nảy sinh ý định xâm hại tình dục đối với cháu Thy nhằm để thỏa mãn dục vọng của mình. Bị cáo đi đến bên cạnh cháu Thy, cúi người xuống dùng miệng hôn lên má cháu và gọi cháu dậy, nắm tay cháu dẫn ra vườn dừa phía sau nhà anh Tài. Tại vườn dừa, bị cáo ngồi trên chiếc ghế, kéo cháu ngồi trên đùi trái của mình rồi tiếp tục hôn lên má, dùng tay trái sờ lên đùi và bộ phận sinh dục phía bên ngoài quần của cháu. Bị cáo tiếp tục dùng tay kéo khóa quần của cháu xuống nhưng cháu gạt tay ra và nói “Thả cho con đi vô ngủ”, bị cáo tiếp tục kéo áo cháu lên và áp sát mặt xuống hôn hôn phía bên ngoài quần tại vị trí giữa hai đùi của cháu. Cháu Thy nói ông Mười đi về đi và đi vào nhà ngủ, bị cáo sợ bị phát hiện nên đi thẳng về rẫy nhà mình ngủ. Hành vi của bị cáo bị cháu

Thy kể lại cho cha mẹ nghe, cha mẹ cháu đã làm đơn tố cáo, bị cáo sau đó cũng ra đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Minh – Lê Quang Chính

Nguyễn Thanh Bình

